

Số: /BVĐKSD-KD

Sa Đéc, ngày tháng 12 năm 2024

V/v yêu cầu báo giá Gói thầu:
Mua hóa chất, vật tư xét nghiệm
miễn dịch tự động cho
Bệnh viện Đa khoa Sa Đéc
năm 2024 – 2027

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Đa khoa Sa Đéc có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Mua hóa chất, vật tư xét nghiệm miễn dịch tự động cho Bệnh viện Đa khoa Sa Đéc năm 2024 – 2027 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa Sa Đéc.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
 - Ds.Tổng Thị Hoàng Diệp, Trưởng khoa Dược; ĐT:0949.341036
 - Ds. Đỗ Nam Quan, Phó Trưởng khoa Dược; ĐT: 0918. 858.583.
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bệnh viện Đa khoa Sa Đéc. Số 153, Đường Nguyễn Sinh Sắc, khóm Hòa Khánh, Phường 2, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: **Từ 08h00 ngày 12 tháng 12 năm 2024 đến trước 17h00 ngày 23 tháng 12 năm 2024.**

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 180 ngày, kể từ ngày 23 tháng 12 năm 2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục yêu cầu báo giá: Phụ lục kèm theo.
- Địa điểm cung cấp: Khoa Dược, Bệnh viện Đa khoa Sa Đéc. Số 153, Đường Nguyễn Sinh Sắc, khóm Hòa Khánh, Phường 2, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.
- Thời gian giao hàng dự kiến: Giao hàng trong vòng 72 giờ kể từ khi nhận được đơn hàng từ Bệnh viện.
 - Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý I – II năm 2025.
- Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Chuyển khoản và thanh toán theo tiến độ.
- Điều kiện thanh toán: Được cung cấp đầy đủ hóa đơn, biên bản nghiệm thu hàng hóa mỗi kỳ, chứng từ hợp lệ.
- Thời hạn thanh toán: 90 ngày.

5. Các thông tin khác: Dữ kèm theo các tài liệu chứng minh tính năng, thông số kỹ thuật của các mặt hàng báo giá, các yêu cầu về địa điểm cung cấp, lắp đặt , bảo quản thiết bị y tế, thời gian giao hàng dự kiến và các thông tin liên quan khác.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trang TTĐT BV;
- Lưu: VT, KD. Diep (02b).

GIÁM ĐỐC

Trần Thanh Tùng

PHỤ LỤC

(Kèm theo Công văn số

/BVĐKSD-KD ngày
của Bệnh viện Đa khoa Sa Đéc)

tháng 12 năm 2024

| STT | Tên hóa chất | Đặc tính kỹ thuật | Đvt | Số lượng | Ghi chú |
|-----|--------------------------------------|--|------|----------|---------|
| 1 | Hóa chất xét nghiệm TSH | 1. Thành phần: 1). Dung dịch hạt phủ kháng thể. Chứa các hạt được phủ kháng thể đơn dòng TSH, gelatin, chất ổn định, chất bảo quản. 2). Dung dịch kháng thể đánh dấu bằng enzym phosphatase kiềm, chất ổn định, chất bảo quản. 2. Giới hạn đo: Giới hạn thấp: $\geq 0.007 \mu\text{IU/mL}$ Giới hạn phát hiện (LOD): $\geq 0,002 \mu\text{IU/mL}$ | Test | 13.000 | |
| 2 | Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm TSH | Thành phần: dạng lỏng, 3 nồng độ | ml | 50 | |
| 3 | Hóa chất xét nghiệm FT3 | Thành phần: - Dung dịch hạt phủ T2: Chứa các hạt phủ T2, gelatin, chất ổn định, chất bảo quản. - Dung dịch kháng thể đánh dấu enzym: Chứa kháng thể đơn dòng anti-T3 đánh dấu phosphatase kiềm, chất ổn định, chất bảo quản | Test | 13.000 | |
| 4 | Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm FT3 | Thành phần: dạng lỏng, 3 nồng độ | ml | 50 | |
| 5 | Hóa chất xét nghiệm FT4 | Thành phần: - Dung dịch hạt phủ T3: Chứa các hạt phủ T3, gelatin, chất ổn định, chất bảo quản. - Dung dịch kháng thể đánh dấu enzyme phosphatase kiềm, chất ổn định, chất bảo quản. | Test | 13.000 | |
| 6 | Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm FT4 | Thành phần: dạng lỏng, 3 nồng độ | ml | 50 | |
| 7 | Hóa chất xét nghiệm HbsAg | Thành phần: - Dung dịch hạt phủ kháng thể: Chứa các hạt phủ kháng thể anti-HBs, gelatin, chất ổn định, chất bảo quản. - Dung dịch Kháng thể Đánh dấu Enzym phosphatase kiềm, chất ổn định, chất bảo quản. | Test | 5.900 | |
| 8 | Hóa chất hiệu chuẩn HbsAg | Thành phần: dạng lỏng, 2 nồng độ | ml | 28 | |
| 9 | Hóa chất kiểm chuẩn xét nghiệm HbsAg | Thành phần: dạng lỏng, 3 nồng độ | ml | 91 | |
| 10 | Hóa chất xét nghiệm HCV Ab | Thành phần: - Dung dịch chứa hạt phủ kháng nguyên: Chứa các hạt phủ kháng nguyên HCV tái tổ hợp, gelatin, chất ổn định, chất bảo quản. - Dung dịch Kháng thể Đánh dấu Enzym: Chứa kháng thể đơn dòng IgG đánh dấu phosphatase kiềm - Hóa chất đi kèm: Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm phát hiện định tính Anti-HCV, dạng | Test | 7.800 | |

| | | | | | |
|----|--|---|------|--------|--|
| | | lỏng, 2 mức nồng độ. | | | |
| 11 | Hóa chất kiểm chuẩn xét nghiệm HCV Ab | Thành phần: dạng lỏng, 2 nồng độ | ml | 52 | |
| 12 | Hóa chất xét nghiệm CA125 | Thành phần: - Dung dịch hạt phủ kháng thể: Chứa các hạt phủ kháng thể đơn dòng anti-CA125, gelatin, chất ổn định, chất bảo quản. - Dung dịch kháng thể đánh dấu Enzym: Chứa kháng thể đơn dòng anti-CA125 đánh dấu phosphatase kiềm | Test | 950 | |
| 13 | Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm CA 125 | Thành phần: dạng lỏng, 2 nồng độ | ml | 15 | |
| 14 | Hóa chất xét nghiệm CEA | Thành phần: - Dung dịch hạt phủ kháng thể: Chứa các hạt phủ kháng thể đơn dòng anti-CEA, gelatin, chất ổn định, chất bảo quản. - Dung dịch kháng thể đánh dấu Enzym: Chứa kháng thể đơn dòng anti-CEA đánh dấu phosphatase kiềm, chất ổn định, chất bảo quản. | Test | 2.000 | |
| 15 | Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm CEA | Thành phần: dạng lỏng, 2 nồng độ | ml | 20 | |
| 16 | Hóa chất xét nghiệm PSA | Thành phần: - Dung dịch chứa hạt phủ kháng thể: Chứa các hạt phủ kháng thể đơn dòng anti-PSA, gelatin, chất ổn định, chất bảo quản. - Dung dịch kháng thể đánh dấu Enzym: Chứa kháng thể đơn dòng anti-PSA đánh dấu phosphatase kiềm, chất ổn định, chất bảo quản. | Test | 2.000 | |
| 17 | Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm PSA | Thành phần: dạng lỏng, 3 nồng độ | ml | 30 | |
| 18 | Hóa chất xét nghiệm β HCG | Thành phần: - Dung dịch hạt phủ kháng thể: Chứa các hạt phủ kháng thể đơn dòng anti- β HCG, gelatin, chất ổn định, chất bảo quản. - Dung dịch kháng thể liên kết enzym: Chứa kháng thể đơn dòng anti- β HCG đánh dấu phosphatase kiềm, chất ổn định, chất bảo quản. | Test | 8.000 | |
| 19 | Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm β HCG | Thành phần: dạng lỏng, 2 nồng độ | ml | 30 | |
| 20 | Hóa chất xét nghiệm AFP | Thành phần: - Dung dịch hạt phủ kháng thể: Chứa các hạt phủ kháng thể đơn dòng anti-AFP, gelatin, chất ổn định, chất bảo quản. - Dung dịch kháng thể đánh dấu Enzym: Chứa kháng thể đơn dòng anti-AFP đánh dấu phosphatase kiềm | Test | 2.000 | |
| 21 | Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm AFP | Thành phần: dạng lỏng, 3 nồng độ | ml | 50 | |
| 22 | Hóa chất xét nghiệm Procalcitonin | Thành phần: - Dung dịch hạt phủ kháng thể: Chứa các hạt phủ kháng thể đơn dòng anti-PCT và kháng thể đơn | Test | 13.000 | |

| | | | | | |
|----|---|--|------|-------|--|
| | | đồng anti-calcitonin, gelatin, chất ổn định, chất bảo quản. - Dung dịch kháng thể đánh dấu Enzym phosphatase kiềm | | | |
| 23 | Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm PCT | Thành phần: - Chất chuẩn đông khô, 2 nồng độ | ml | 40 | |
| 24 | Hóa chất kiểm chuẩn xét nghiệm PCT | Thành phần: - PCT Controls: Đông khô, 2 nồng độ | ml | 350 | |
| 25 | Hóa chất xét nghiệm TPOAb | Thành phần: - Dung dịch hạt phủ kháng nguyên: Chứa các hạt phủ kháng nguyên TPO tái tổ hợp, gelatin, chất ổn định, chất bảo quản. - Dung dịch kháng thể đánh dấu enzym: Chứa kháng thể đơn dòng anti-human IgG đánh dấu phosphatase kiềm - Chất hiệu chuẩn dạng lỏng 3 nồng độ. | Test | 500 | |
| 26 | Hóa chất xét nghiệm HE4 | Thành phần: -Dung dịch hạt phủ kháng thể: chứa các hạt phủ kháng thể đơn dòng anti-HE4, gelatin, chất ổn định, chất bảo quản. -Dung dịch Kháng thể đánh dấu Enzym: chứa kháng thể đơn dòng anti-HE4 đánh dấu phosphatase kiềm | Test | 950 | |
| 27 | Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm HE4 | Thành phần: dạng lỏng, 2 nồng độ | ml | 30 | |
| 28 | Hóa chất xét nghiệm HbsAb | Thành phần: - Dung dịch Hạt Phủ Kháng nguyên: Chứa các hạt phủ kháng nguyên HBs, gelatin, chất bảo quản. - Dung dịch Kháng nguyên Đánh dấu Enzym: Chứa kháng nguyên HBs đánh dấu phosphatase kiềm | Test | 6.000 | |
| 29 | Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm HBsAb | Thành phần: dạng lỏng, 2 nồng độ | ml | 30 | |
| 30 | Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm dấu ấn ung thư, dạng đông khô, mức nồng độ 1 | - Thành phần: huyết thanh người, dạng đông khô - Có thể dùng cho cả xét nghiệm dấu ấn ung thư thường quy và đặc hiệu. | ml | 50 | |
| 31 | Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm dấu ấn ung thư, dạng đông khô, mức nồng độ 2. | - Thành phần: huyết thanh người, dạng đông khô - Có thể dùng cho cả xét nghiệm dấu ấn ung thư thường quy và đặc hiệu. | ml | 50 | |
| 32 | Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm dấu ấn ung thư, dạng đông khô, mức nồng độ 3. | - Thành phần: huyết thanh người, dạng đông khô - Có thể dùng cho cả xét nghiệm dấu ấn ung thư thường quy và đặc hiệu | ml | 50 | |
| 33 | Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm miễn dịch thường quy, dạng đông khô, mức nồng độ 1. | - Thành phần: huyết thanh dạng đông khô - Có các giá trị tham chiếu cho các máy phân tích tự động | ml | 90 | |

| | | | | | |
|-----------------|---|--|-----|---------|--|
| 34 | Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm miễn dịch thường quy, dạng đông khô, mức nồng độ 2. | - Thành phần: huyết thanh dạng đông khô - Có các giá trị tham chiếu cho các máy phân tích tự động | ml | 90 | |
| 35 | Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm miễn dịch thường quy, dạng đông khô, mức nồng độ 3. | - Thành phần: huyết thanh dạng đông khô - Có các giá trị tham chiếu cho các máy phân tích tự động | ml | 90 | |
| 36 | Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm miễn dịch đặc hiệu, dạng dung dịch, mức nồng độ 1. | - Dùng cho xét nghiệm miễn dịch chuyên dụng - Thành phần: huyết thanh người, dạng lỏng | ml | 90 | |
| 37 | Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm miễn dịch đặc hiệu, dạng dung dịch, mức nồng độ 2. | - Dùng cho xét nghiệm miễn dịch chuyên dụng - Thành phần: huyết thanh người, dạng lỏng | ml | 90 | |
| 38 | Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm miễn dịch đặc hiệu, dạng dung dịch, mức nồng độ 3. | - Dùng cho xét nghiệm miễn dịch chuyên dụng - Thành phần: huyết thanh người, dạng lỏng | ml | 90 | |
| 39 | Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm dấu ấn tim, dạng dung dịch, mức nồng độ 1. | - Thành phần: huyết thanh người, dạng dung dịch | ml | 75 | |
| 40 | Mẫu nội kiểm chứng dương cho các xét nghiệm bệnh truyền nhiễm | Sản xuất từ huyết thanh người. Dạng lỏng Chất phân tích cho xét nghiệm Anti-Hbs, Anti-HAV... Chứng dương. | ml | 90 | |
| 41 | Mẫu nội kiểm chứng âm cho các xét nghiệm bệnh truyền nhiễm | Chất phân tích cho xét nghiệm anti HIV-1, anti HIV-2, anti HTLV-I, HIV-1 Ag, anti HTLV-II, anti HCV,... Chứng âm Sản xuất từ huyết thanh người. Dạng lỏng | ml | 90 | |
| 42 | Đầu côn hút mẫu bệnh phẩm | Đầu côn hút mẫu bệnh phẩm dùng cho hệ thống miễn dịch | Cái | 461.000 | |
| 43 | Dung dịch cơ chất | Thành phần: dạng lỏng, dung dịch đệm với chất ổn định và chất bảo quản | ml | 55.000 | |
| 44 | Dung dịch rửa | Thành phần: Đậm đặc, NaCl trong dung dịch có chứa chất tẩy rửa. | ml | 460.000 | |
| 45 | Cartridges trống | | Cái | 10.000 | |
| 46 | Dung dịch pha loãng mẫu | Thành Phần: Dạng lỏng, NaCl trong dung dịch đệm | ml | 41.000 | |
| 46 khoản | | | | | |

Ghi chú: + Gói thầu bao gồm cung cấp hóa chất, vật tư xét nghiệm và thiết bị y tế với cấu hình kỹ thuật của máy miễn dịch tự động để sử dụng danh mục hóa chất trên như sau:

Phương pháp xét nghiệm: miễn dịch enzyme hóa phát quang CLEIA hoặc tương đương

Công suất: ≥ 60 xét nghiệm/giờ, hệ thống tự động hoàn toàn

Khả năng chứa mẫu: ≥ 30 mẫu

Khả năng chứa hóa chất ≥ 100 xét nghiệm

Thể tích hút mẫu: $\leq 150\mu\text{L}$

Khả năng nạp mẫu và hoá chất liên tục, không phải dừng máy

Đầu hút mẫu cảm biến mực chất lỏng, phát hiện cục máu đông

Pha loãng mẫu: tự động pha loãng mẫu

Sử dụng Cartridge xét nghiệm

Khả năng kết nối 2 chiều vào hệ thống LIS.

Tên nhà cung cấp:
MST:
Địa chỉ:
Người liên hệ:
Số điện thoại:

BÁO GIÁ⁽¹⁾
Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa Sa Đéc

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... *[ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]*, chúng tôi *[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh]* báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

| STT | Danh mục hàng hóa | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ) | Hãng sản xuất | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản | Đơn vị tính | Khối lượng | Mã HS | Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) | Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) |
|--|-------------------|------------|-----------|--------------|-----------------------------------|---------------|-------------------------------------|-------------|------------|-------|---|--|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13)=(10)x(12) |
| | Hàng hóa thứ 1 | | | | | | | | | | | M1 |
| | | | | | | | | | | | | |
| | Hàng hóa thứ n | | | | | | | | | | | Mn |
| Tổng cộng giá dự thầu của hàng hóa đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) | | | | | | | | | | | | (M) |

(Gửi kèm các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... *[ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày]*, kể từ ngày thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật

về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾